

**Bài báo nghiên cứu**

**TIẾP NHẬN 5 BÀI DI THƠ CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH QUẢNG ĐỨC  
TRONG TƯƠNG QUAN KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA**

**Nguyễn Thành Trung<sup>1\*</sup>, Phramaha Chakrapol Acharashubho Thepa<sup>2</sup>**

<sup>1</sup>Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

<sup>2</sup>Khoa Triết học và Tôn giáo, Đại học Phật giáo Mahamakut, Thailand

\*Tác giả liên hệ: Nguyễn Thành Trung – Email: [trungnt@hcmue.edu.vn](mailto:trungnt@hcmue.edu.vn)

Ngày nhận bài: 30-3-2023; ngày nhận bài sửa: 08-6-2023; ngày duyệt đăng: 24-10-2023

**TÓM TẮT**

Bài viết phân tích hệ thống 5 bài di thơ của Hòa thượng Thích Quảng Đức dưới ánh sáng của Kinh Diệu pháp liên hoa. Dựa trên phương pháp nghiên cứu văn hóa – lịch sử, phê bình huyền thoại và thi pháp học, kết quả nghiên cứu cho thấy ba đặc điểm chính của Kinh Pháp hoa gồm nhất nguyên, phổ quát và thường hằng có vai trò quan trọng trong việc làm rõ ý nghĩa nội dung và nghệ thuật của 5 bài di thơ. Đặc biệt, nghệ thuật nổi bật của Kinh Pháp hoa có tác dụng minh định giá trị các bài di thơ cùng với giá trị cải biến xã hội miền Nam mà những bài di thơ này cùng với hành động tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức mang tới.

**Từ khóa:** 5 bài di thơ; giá trị nội dung và nghệ thuật; Kinh Pháp Hoa; Thích Quảng Đức

**1. Đặt vấn đề**

Văn học Phật giáo miền Nam trước năm 1975 có vị trí đáng lưu ý trong mảng văn chương yêu nước hiện đại, tuy đã được nghiên cứu nhiều nhưng trường hợp 5 bài di thơ của Hòa thượng Thích Quảng Đức vẫn còn có thể bàn bạc thêm. Hơn nữa, việc nghiên cứu 5 bài di thơ này có ý nghĩa sâu sắc trong dịp kỷ niệm 60 năm ngày Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu (11/6/1963-11/6/2023), đồng thời cung cấp thêm cứ liệu để nghiên cứu, khảo sát văn bản văn học chữ Nôm hiện đại cũng như giáo dục tinh thần, đạo đức cao đẹp của Hòa thượng Thích Quảng Đức trong nhà trường. Nghiên cứu này hướng đến trả lời các câu hỏi: Hòa thượng Thích Quảng Đức đã giải thích như thế nào về hành động của mình; ý nghĩa của hành động tự thiêu là gì; văn bản di thơ của Hòa thượng được hiểu như thế nào theo tinh thần kinh điển Phật giáo.

Bài viết này xác định đối tượng nghiên cứu là “5 bài thơ chữ Nôm viết vào ngày tám tháng 4 nhuận (30-5-1963)” (Thích Nhất Tu, 2014, p.53) của Hòa thượng Thích Quảng Đức. Năm bài thơ này như sau:

---

*Cite this article as:* Nguyen Thanh Trung, & Phramaha Chakrapol Acharashubho Thepa (2023). Analysis of five deathbed poems by Thich Quang Duc in relation to the Lotus sutra. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 20(10), 1802-1813.

(1) *Đệ tử hôm nay nguyện đốt mình  
Làm đèn soi sáng nẻo vô minh  
Khói thơm cảnh tỉnh ai còn 'ngốc'  
Tro trắng phẳng san hố bất bình  
Thân cháy nát tan ra tro trắng  
Thần thức nương về giúp sinh linh  
Hỡi ai mộng ảo đang còn mộng  
Hãy gặp tỉnh đi kéo giạt mình.*

(Thích Nhất Tu, 2014, p.54)

(3) *Cùng hàng Phật tử tại gia  
Hãy quên bản ngã bỏ cái ta  
Gấp sửa thân tâm vì đại cuộc  
Ngàn năm sử Việt vẫn Phật gia  
Thân tôi dù cháy linh thiêng máu  
Thần thức tôi luôn giúp đạo nhà  
Đã mang đoàn thể còn nòi giống  
Bi, Trí, Hùng sao chẳng đem ra?*

(Thích Nhất Tu, 2014, pp.55-56)

(5) *Nền Phật dò lân kiếp tấy sang  
Phủi tay rửa sạch nợ trần gian  
Tránh đàng danh lợi tìm nơi tịnh  
Niệm chữ từ bi lánh cửa quan  
Chuỗi hột tay lần khuya với sớm  
Kệ kinh tụng niệm vái rồi van  
Một lòng thành kính lòng mình nguyện  
Tịnh độ từ đây sẽ ở an.*

(Thích Nhất Tu, 2014, p.87) – (viết ngày 30/5/1963)

Phạm vi nghiên cứu của bài viết này là *Kinh Diệu pháp liên hoa*; hướng tiếp cận liên ngành được vận dụng để kết nối văn bản thơ, kinh văn Phật giáo với đặc điểm văn hóa xã hội nhằm làm rõ ý nghĩa của đối tượng nghiên cứu.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

Chịu ảnh hưởng mạnh bởi hành động vị pháp thiêu thân của Hòa thượng Thích Quảng Đức, đến nay, các nghiên cứu thường tập trung vào góc độ lịch sử, khảo sát cuộc đời, tiểu sử và diễn biến, ý nghĩa hành động mang tính biểu tượng trên. Tiêu biểu như Hội thảo khoa học “Bồ Tát Quảng Đức vị pháp thiêu thân”, tổ chức tại Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, đã công bố 35 bài viết; đa phần theo hướng lịch sử. Tuy nhiên khi các sự kiện lịch sử lùi xa, ngoại trừ có những phát hiện bước ngoặt, con đường nghiên cứu thường phải quay vào bản thân đối tượng, quan sát cấu trúc và tìm kiếm các nguyên tắc bên trong. Đương nhiên, để

(2) *Phật giáo sử vàng máu thay son  
Than ôi! Quý kẻ họ vẫn còn  
Quyết diệt suy tàn nền Chánh Pháp  
Làm cho Tăng, Tín phải chết mòn  
Vì sự bất công tôi thiêu xác  
Khói hồn nguyện độ kẻ hàm oan  
Kính chúc Tăng, Ni tâm dũng tiến  
Chánh Pháp ngày mai phải trường tồn.*

(Thích Nhất Tu, 2014, p.55)

(4) *Thầy đã đến lúc biệt các con  
Ba mươi năm hạnh nguyện đã tròn  
Những gì đáng độ Thầy đã độ  
Thầy tranh Chánh Pháp lúc mất còn  
Gia Định Sài Gòn hỡi các con  
Hà Tiên, Cai Lậy Thầy vẫn còn  
Nam Vang, Núi Lớn Thầy ghi dấu  
Khánh Hòa đệ tử vẫn ân son.*

(Thích Nhất Tu, 2014, p.56)

tránh lối mòn chủ nghĩa Cấu trúc, nhà nghiên cứu có thể nhìn đối tượng dưới nhiều góc độ khác nhau, tức là tiếp nhận; chuyển từ tác giả sang người đọc, người thưởng thức như bài viết *Bồ Tát Quảng Đức vị pháp thiêu thân đối chiếu qua kinh điển Nam tông và Bắc tông* của Tâm Diệu. Kỉ yếu hội thảo “50 năm phong trào Phật giáo ở miền Nam (1963-2013)” cũng công bố 46 bài viết; trong đó nổi bật theo hướng trên là *Tinh thần vô ngã vị tha của Bồ-tát Quảng Đức qua Lời nguyện tâm quyết và Kế thiêu thân cúng dường* (Nguyễn Công Lý). Đây là bài viết công phu nhưng do thiếu cứ liệu, một số kết luận về thể loại, chữ viết của các bài kệ vẫn mang tính tồn nghi. Một năm sau (2014), công trình *Bồ Tát Quảng Đức, cuộc đời và lửa từ bi* (Thích Nhật Từ) đã cung cấp cái nhìn khái quát về hành trạng và di thơ của Hòa thượng Thích Quảng Đức. Căn cứ trên các tài liệu được công bố, bài viết *Tiếp cận 5 bài di thơ của Hòa thượng Thích Quảng Đức dưới ánh sáng Phật giáo Lâm Tế Chúc Thánh* đã phân tích 5 bài di thơ từ góc độ văn bản, niêm luật Đường thi, Tứ liệu giản của dòng thiền Lâm Tế và 3 đặc điểm của dòng Lâm Tế Chúc Thánh, theo đó, “ba tính chất cơ bản của Thiền phái Lâm tế Chúc Thánh gồm tính phóng khoáng, nhập thế và tổng hợp... được ứng dụng vào khảo sát hệ thống di thơ của Hòa thượng Thích Quảng Đức từ phương diện nội dung đến nghệ thuật gắn với Thiền Tông nói chung, tông Lâm Tế nói riêng và cụ thể là Thiền tông Lâm Tế Chúc Thánh” (Nguyen, 2021, pp.650-651). Tuy góc độ quan sát rất tương hợp với đối tượng nhưng bài viết trên vẫn chưa làm rõ ý nghĩa các bài di thơ của Hòa thượng trong tinh thần Kinh văn Phật giáo.

Theo Thích Nhật Từ (2014), trước khi tự thiêu, Hòa thượng Thích Quảng Đức đã nhiều ngày trì tụng *Kinh Diệu pháp liên hoa*. Vì thế, nghiên cứu *Kinh Diệu pháp liên hoa* có thể cung cấp hướng giải thích và tiếp cận hợp lí 5 bài di thơ của Hòa thượng. Cho đến nay, ngoài các bài giảng trong tự viện, *Kinh Diệu pháp liên hoa* đã được nghiên cứu từ góc độ văn hóa qua các bài viết sau: George Joji Tanabe, Willa Jane Tanabe (1989) – *The Lotus Sutra in Japanese Culture*; Eugene Yuejin Wang, Abby Aldrich (2005) – *Shaping the Lotus Sutra: Buddhist Visual Culture in Medieval China*; Peach (2002) trong *Social Responsibility, Sex Change, and Salvation: Gender Justice in the “Lotus Sūtra”*. Philosophy East and West; nhóm tác giả đã lí giải kinh văn này từ góc độ văn hóa giới tính – “Giới tính là một phạm trù quan trọng trong phân tích Kinh Pháp hoa. Chủ đề này cung cấp phương tiện để phân lập và hệ thống hóa vị trí nam và nữ, cả nhân lẫn phi nhân. Nó tượng trưng cho sự khác biệt về tính cách, khả năng và đức hạnh.” (Peach, 2002, p.50). Bên cạnh đó, *Kinh Pháp hoa* còn được nghiên cứu từ góc độ ngôn ngữ qua luận văn *Án dụ tu từ trong Kinh Diệu pháp Liên hoa* của Hồ Văn Hải, Nguyễn Tiến Trinh (2018); bài viết “Language and Logic in the Lotus Sutra: A Hermeneutical Exploration of Philosophical Underpinnings” của Wawrytko (2000). Cụ thể, tác giả nhấn mạnh: “Tôi đề nghị tác giả hoặc nhà nghiên cứu Kinh Pháp Hoa tự đặt cho mình nhiệm vụ ở giai đoạn thứ năm của Thông diễn học Sáng tạo trong việc: kế thừa một cách có phê phán và phát triển một cách sáng tạo ‘thông điệp của Phật giáo nguyên thủy’” (p.63). Phong phú nhất là mảng nghiên cứu *Kinh Pháp hoa* hướng vào góc độ thực hành qua các

bài viết của Thích Thông Bửu (2001) – *Diễn giải Kinh Diệu Pháp Liên Hoa - giải nghĩa tên kinh, hướng đến thực hành*. Đặc biệt Thích Nhất Hạnh (2008) trong *Peaceful Action, Open Heart: Lessons from the Lotus Sutra* đã phân tích kinh các góc độ lịch sử, cứu cánh, hành động, hòa bình: “Quyển sách này chỉ ra phương thức mà việc giảng dạy Kinh Pháp Hoa có thể giúp ta nhận thức rõ việc thực hành quan tâm, sẻ chia và tình yêu dành cho sự hạnh phúc của gia đình, cộng đồng, xã hội và thế giới”. (Thich Nhat Hanh, 2008, p.9)

Bài viết này xác định hướng tiếp cận là vận dụng đặc điểm *Kinh Diệu pháp liên hoa* lí giải hệ thống 5 bài di thơ. Căn cứ trên các nghiên cứu đi trước, có thể đưa ra nhận định rằng *Kinh Diệu pháp liên hoa* ra đời với nhu cầu thống nhất các hệ phái, tổng hợp tư tưởng và nhấn mạnh ý nghĩa chúng sinh đều có thể thành Phật. Theo đó, ba đặc điểm của kinh *Pháp hoa* được xác định như Bảng 1 sau đây:

**Bảng 1. Ba đặc điểm chính của kinh Pháp Hoa**

<b>Nội dung – đặc điểm kinh Diệu Pháp Liên hoa</b>		
Nhất thừa	Phật tính	Pháp thân
Tính nhất nguyên	Tính phổ quát	Tính thường hằng

Tính nhất thừa (Ekayana) trong *Kinh Diệu pháp liên hoa* (Lotus Sutra) là khái niệm về sự kết nối và tương tác không ngừng giữa tất cả mọi thực thể trong vũ trụ. “Và chư Phật cũng dùng vô lượng vô số phương tiện, hết thảy nhân duyên, lời lẽ thí dụ mà vì chúng sinh diễn nói các Pháp. Pháp đó đều là một Phật thừa.” (Tue Hai, 2002, p.63). Tính nhất thừa chỉ ra rằng mỗi vật thể đều chứa đựng toàn bộ vũ trụ và mọi thực thể khác; tất cả tương tác để tạo ra một mạng lưới liên hoàn. Theo *Kinh Diệu pháp liên hoa*, không có giới hạn giữa hình thể và phi hình thể, giữa người và vật, giữa con người và vũ trụ. Tất cả các thực thể đều liên kết với nhau, và tính nhất thừa là khái niệm đại diện cho sự liên kết này. Việc nhận thức và hiểu được tính nhất thừa giúp nhận ra sự đồng cảm và tương tác không ngừng giữa con người và thế giới xung quanh, đồng thời đưa ra cách nhìn đúng đắn về sự vô biên và phi thường của vũ trụ trong tinh thần thống nhất: “Trong các cõi nước ở khắp mười phương, còn không có hai thừa, huống lại có ba thừa ư?” (Tue Hai, 2002, p.64)

Phật tính (Buddhadhatu) là khái niệm quan trọng trong Phật giáo, là bản chất tối thượng của mỗi con người, tức là tiềm năng để trở thành một vị Phật hoàn toàn. Theo *Kinh Diệu pháp liên hoa*, Phật tính là khả năng của con người để đạt đến trạng thái giác ngộ và trở thành một vị Phật. Mỗi người đều có Phật tính, bất kể đặc tính, hoàn cảnh hay điều kiện đời sống. Phật tính được coi là tinh túy của mỗi con người, nhưng Phật tính cũng có thể bị che khuất bởi sự gian dối, tham lam, ác ý hay tà kiến; giống như dụ ngôn ngọc quý cột trong áo mà kẻ say mê lại tha phương cầu thực, chẳng biết tự mình có ngọc quý. Loại bỏ những yếu tố này, Phật tính sẽ phát triển và hiển lộ trong mỗi người; không chỉ đệ tử thượng trí, hàng nữ nhân (Long nữ) mà ngay cả Devadatta cũng đều được thọ kí thành Phật.

Pháp thân thường hằng trong *Kinh Diệu pháp liên hoa* là khái niệm quan trọng của Phật giáo, liên quan đến sự hiện diện của Phật trong thế giới hiện tại. Ứng thân (nirmanakaya)

là thể hiện của Phật trong hình thức vật chất, tức là hình thức mà Phật lựa chọn để hiện diện và giảng dạy tại trần gian. Báo thân (sambhogakaya) là thể hiện tươi đẹp của Phật trong tâm hồn của mỗi con người, hiện diện trong trí tuệ và nhận thức, mang đến sự bình an và chỉ dẫn cho hành giả. Pháp thân (dharmakaya) là thể hiện của Phật trong hình thức tinh thần và vô hình, là bản chất tối thượng và vô biên của Phật. Pháp thân không bị ảnh hưởng bởi các thay đổi hay sự tàn phá của thế giới vật chất. Theo thuyết Tam thân, Phật hiện diện ở khắp mọi nơi, không chỉ trong các hình thức vật chất, mà còn trong tâm hồn và bản chất của mỗi con người. Trong “Phẩm Như lai thọ lượng”, pháp thân (Tri kiến Phật) bất sanh bất diệt, thường hằng chẳng đổi. Nhờ vậy, mỗi người có thể tìm kiếm sự giác ngộ và trở thành một vị Phật.

Ba nội dung trọng yếu của *Kinh Pháp hoa* lần lượt tương ứng với tính nhất nguyên, phổ biến và thường hằng. Ba đặc điểm này sẽ được vận dụng để phân tích hệ thống 5 bài di thơ của Hòa thượng Thích Quảng Đức. Đây chính là phương pháp phê bình Phật học (Buddhist studies criticism); phương pháp này vận dụng trong bài viết theo mô hình sau (xem Bảng 2):

**Bảng 2. Tiến trình nghiên cứu của đề tài**

TIẾN TRÌNH NGHIÊN CỨU						
Xác định đặc điểm <i>Kinh Pháp Hoa</i>	→	Phân tích các phương diện, đặc điểm <i>Kinh Pháp Hoa</i> trong văn bản thơ	→	Liên hệ nội dung và nghệ thuật văn bản thơ từ đặc điểm <i>Kinh Pháp Hoa</i>	→	Rút ra ý nghĩa của đề tài với <i>Kinh Pháp Hoa</i> , Phật giáo
Khảo sát văn bản văn học						Rút ra ý nghĩa đề tài với văn bản

Tính nhất nguyên của *Diệu pháp liên hoa kinh* là cầu nối hai phương diện riêng – chung, khái quát – cụ thể, vừa đề cập những vấn đề phổ quát vừa đề ra giải pháp cho các hiện tượng dựa trên mối quan hệ liên kết không tách rời. Thế nên ngọn lửa “đốt mình” giới hạn trong phạm vi cá nhân sẽ trở thành “đền soi” khắp “nẻo vô minh”. Hành động “đốt mình, thiêu xác” được xem như phương tiện; hoàn cảnh “suy tàn Chánh Pháp, Tăng Tín chết mòn” là nhân duyên, hệ thống 5 bài di thơ là những lời lẽ lập luận... Tất cả được liên kết vào/chỉ rõ chính thể thống nhất là một thừa duy nhất, một nguồn gốc chung chứa đựng vạn pháp như lưới liên hoàn trải khắp chúng sinh; trong thơ Thích Quảng Đức là hệ thống đối tượng từ chư Phật, cư sĩ, tu sĩ đến bản thân Hòa thượng. Tính nhất nguyên cũng kết nối tư duy thơ Thích Quảng Đức giữa hai bờ sinh tử không ngăn ngại đề dù chết nhưng “*Thần thức nương về giúp chúng sinh*”, “*Thần thức tôi luôn giúp đạo nhà*”. Có thể thấy mục đích duy nhất của Phật pháp là giải thoát chúng sinh khỏi luân hồi; đây là mục đích, con đường duy nhất, đơn nhất, không đổi. Thấu hiểu tính nhất thừa này cũng có nghĩa là không loại trừ các phương tiện để thi hành hiệu quả cứu cánh; tức nhờ thấu hiểu bản chất vạn pháp mà không phủ nhận đa nguyên như phương tiện. Bởi thế, ngay cả với kẻ thù địch hay hoàn cảnh nghịch duyên, nhân vật trữ tình Thích Quảng Đức vẫn thể hiện cái nhìn an nhiên, không sân hận trong 2 câu thực bài kệ thứ 2:

*Quyết diệt suy tàn nền Chánh Pháp  
Làm cho Tăng, Tín phải chết mòn*

(Thích Nhất Tu, 2014, p.55)

Cách nhìn này thống nhất thành một hệ thống, bởi trong *Lời tâm quyết*, Hòa thượng Thích Quảng Đức cũng viết: “Phật Trời gia hộ cho Tổng thống Ngô Đình Diệm sáng suốt chấp nhận năm nguyện vọng tối thiểu của Phật giáo Việt Nam” (Thích Nhất Tu, 2014, p.89). Bởi dù gặp khó khăn, cản trở nhưng trong tinh thần chung của Phật giáo, tất cả đều là những vị Phật sắp thành; trong *Kinh Pháp hoa*, đến Devadatta còn được thọ kí cũng vì ý nghĩa đó. Đường hướng đấu tranh hòa giải, bất bạo động cũng do vậy mà hình thành và phổ biến; bởi Hòa thượng đã khẳng định niềm tin: “Chánh Pháp ngày mai phải trường tồn.” (Thích Nhất Tu, 2014, p.55). Tính nhất nguyên của *Kinh Pháp hoa* cũng kết nối hành động của Hòa thượng Thích Quảng Đức với phẩm 23 – Dược Vương Bồ tát bản sự – Bồ tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỉ Kiến đã tự ướp hương vào thân, dùng sức nguyện thân thông mà đốt thân, cúng dường chư Phật. Đây là hành vi phủ nhận cái ngã anātman, tách rời ngã chấp, hiểu rõ vô thường, thấu suốt tính không:

Đệ tử hôm nay nguyện đốt mình  
Làm đèn soi sáng nẻo vô minh

(Thích Nhất Tu, 2014, p.54)

Vì sự bất công tôi thiêu xác  
Khói hồn nguyện độ kẻ hàm oan

(Thích Nhất Tu, 2014, p.55)

Tính nhất nguyên, không phân biệt, không loại trừ, không ngăn ngại, không phủ nhận mối liên hệ rộng khắp giữa vạn pháp; tính nhất nguyên của Diệu pháp liên hoa kinh có thể dùng để soi chiếu vấn đề cơ bản nhất của văn học là mối quan hệ giữa nội dung và hình thức. Tùy theo quan niệm văn hóa, xã hội thẩm mỹ mà phương diện nội dung hay hình thức trong tác phẩm văn học từng thời, từng lúc được quan tâm nhấn mạnh. Tuy nhiên, vượt trên sự phân biệt này, văn chương vẫn thống nhất hai phương diện và cùng hướng đến mục đích cơ bản nhất là làm cho con người tốt đẹp hơn, hạnh phúc hơn. Trong “Tiếp cận 5 bài di thơ của Hòa thượng Thích Quảng Đức dưới ánh sáng Phật giáo Lâm Tế Chúc Thánh”<sup>2</sup>, chúng tôi đã từng liệt kê 12 lỗi và 8 bệnh trong 5 bài kệ của Hòa thượng Thích Quảng Đức. Với tinh thần nhất nguyên, những vấn đề về hình thức, tất yếu, ảnh hưởng đến nội dung thơ và ngược lại, nội dung phải được thể hiện qua hình thức tương ứng. Tuy nhiên, điều quan trọng là hệ thống 5 bài di thơ không được định hướng để trở thành danh thi hay tuyên ngôn nghệ thuật của Hòa thượng Thích Quảng Đức mà chỉ là những lời tâm sự của bản thân Ngài dành cho các

<sup>2</sup> [Xem Bảng 1: Lỗi và bệnh Đường thi Thất ngôn bát cú trong 5 bài thơ của hòa Thượng Thích Quảng Đức.] (Nguyễn Thành Trung, 2021, tr.657)

đối tượng thẩm mỹ mang đậm tính cá nhân. Thế nên, mục đích của hệ thống văn bản thơ này không nằm ngoài tinh thần Phật giáo – hướng đến giải thoát.

Tính phổ quát hay Phật tính là nội dung căn bản của kinh Pháp Hoa, hướng đến khuyến khích và khơi gợi nỗ lực tu tập của rộng khắp chúng sinh. Thật vậy, nhiều lần kinh *Pháp Hoa* kể rằng việc nghe được kinh văn cũng giúp cho chúng sinh được lợi lạc. Ví dụ phẩm 25 Phổ môn: “Khi Phật nói phẩm Phổ môn này, trong chúng có tám vạn bốn nghìn chúng sinh đều phát tâm vô đẳng đẳng, vô thượng chính đẳng chính giác.” (Tue Hai, 2002, p.531); hay ở phẩm 28 (Phổ Hiền Bồ tát), “Lúc Phật nói phẩm Phổ Hiền Bồ Tát khuyến phát này có hàng hà sa vô lượng vô biên Bồ Tát được trăm nghìn muôn ức môn “Triền đà la ni”, tam thiên đại thiên thế giới vi trần số các đại Bồ Tát, đủ đạo Phổ Hiền.” (Tue Hai, 2002, 561). Bởi lẽ Phật tính tự tồn tại trong mỗi chúng sinh, chỉ cần nhân duyên hội đủ sẽ như vén mây mờ thấy trăng sáng. Năm bài di thơ là hành trình Hòa thượng gửi gắm tâm sự và niềm tin đến khắp các đối tượng – từ chư Phật, tăng ni, cư sĩ, đệ tử và bản thân mình; mỗi bài một đối tượng riêng với những ý tứ khác nhau. Với chư Phật, Hòa thượng thể hiện quyết tâm xóa vô minh; với chư tăng, Ngài đề cập tình hình pháp nạn; với cư sĩ, Ngài nhấn mạnh ý nghĩa nước nhà; với đệ tử, Ngài lược qua các đạo tràng đã gần bó; với bản thân, Hòa thượng tập trung vào nỗ lực tu hành. Tính chất khế căn này cũng được thể hiện rất rõ qua cấu trúc tam châu thất dụ của *Pháp Hoa* kinh; cụ thể gồm pháp thuyết châu, dụ thuyết châu [hòa trạch, cùng tử, dược thảo], nhân duyên thuyết châu [hóa thành, y châu, kế châu, y tử] cho ba đối tượng thượng, trung và hạ căn. Rõ hơn, phẩm dược thảo dụ cũng đề cập đến ba loại cỏ nhỏ, vừa và lớn; tuy cỏ thuốc khác nhau nhưng được mưa Pháp tưới đều tốt tươi và chữa lành bệnh tật. Theo lí đó, Hòa thượng Thích Quảng Đức quan tâm đến khắp các đối tượng với những tính chất khác biệt nhằm trình bày rõ ý nghĩa hành động của mình. Ngài tin là tất cả sẽ cùng thấu suốt thông qua Phật tính. Từ góc độ này, hệ thống di thơ của Hòa thượng tập trung vào đối tượng tiếp nhận; tức khuynh hướng nghiên cứu văn học phổ biến vào những năm 1960 – mỹ học tiếp nhận. Khác với mỹ học sáng tạo vốn có truyền thống từ thời Aristotle, mỹ học tiếp nhận nhấn mạnh vai trò người tiếp nhận với những đặc điểm tâm lí, văn hóa, xã hội sẽ góp phần vào đời sống tác phẩm văn học. Nhìn rộng ra, lịch sử Phật học thực ra là lịch sử tiếp nhận Phật học căn cứ vào tính khế lí, khế cơ và thực tiễn kết tập, giảng giải kinh điển trong lịch sử. Đây cũng là tiền đề để bài viết tiếp cận hệ thống di thơ của Hòa thượng Thích Quảng Đức.

Tính thường hằng của Pháp thân có ý nghĩa quan trọng trong kinh *Diệu Pháp liên hoa*, là cơ sở để chúng sinh vững tâm kiên trì tu học, làm sáng rõ Phật tính. Tính thường hằng này có vai trò kết nối vạn vật vào một tổng thể – thế giới quan phổ biến của các nền văn hóa và tôn giáo cổ – trung đại. Thế nên, phẩm 23 Dược Vương Bồ tát bản sự kể chuyện Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hi Kiến lại đốt cánh tay cúng dường xá lợi Phật, thề rằng: “Tôi bỏ hai tay ắt sẽ được thân sắc vàng của Phật, nếu thiệt không dối

hời khiến hai tay tôi hoàn phục như cũ”. (Tue Hai, 2002, p.493). Nói lời thề xong, hai tay tự nhiên hoàn phục. Tú Vương Hoa, Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hi Kiến, Dược Vương Bồ Tát đều là những báo thân để thuyết pháp ở cõi tốt lành; các vị chặt tay hóa thân làm phương tiện; nhưng trên tất cả thật ra chính là tiếp nối nhất thừa Pháp thân thường trụ, chung với chúng sinh nên tất cả đều được ích lợi. Bởi thế Hòa thượng Thích Quảng Đức khẳng định mạnh mẽ rằng:

Thần thức nương về giúp sinh linh (Kệ 1)

Khởi hồn nguyện độ kẻ hàm oan (Kệ 2)

Thần thức tôi luôn giúp đạo nhà (Kệ 3)

Hà Tiên, Cai Lậy Thầy vẫn còn

Nam Vang, Núi Lớn Thầy ghi dấu

Khánh Hòa đệ tử vẫn ân son. (Kệ 4)

Bởi sự tồn tại của Pháp thân thường hằng nên dưới con mắt giác ngộ, tất cả vạn pháp đều là chân lí, mọi hoàn cảnh đều là cơ hội để đạt được Niết bàn. Thế nên *Nền Phật dò lân kiếp tây sang, Phủi tay rửa sạch nợ trần gian*, không phải suy nghĩ xuất thế mà là nhập thế mạnh mẽ nhất, nguyện tiếp tục lời thề hoàng dương Phật pháp. Tính thường hằng của Pháp thân vô biên mạnh mẽ như vậy, tất yếu tạo nên khuynh hướng huyền thoại trong thơ Hòa thượng Thích Quảng Đức. Quả thật, không gian và thời gian trong thơ không giới hạn ở các địa danh hay thời điểm cụ thể mà mang tính huyền thoại, thể hiện một giai đoạn hỗn loạn và thời khắc linh thiêng để ra đời dạng thơ từ thế. Khuynh hướng huyền thoại này càng đậm nét trong một mô hình thế giới rộng lớn ẩn chứa sự vô biên và thường hằng; thế nên Hòa thượng không sợ hãi, hoang mang mà vững vàng quyết tâm khi biết rõ tác dụng, ý nghĩa hành động và nơi mình sẽ đến. Khuynh hướng huyền thoại trong thơ Thích Quảng Đức hình thành một hình tượng Bồ tát dung thông vô ngại, tùy ý đến và đi trong các cõi, do ý nguyện mà hóa thân độ khắp chúng sinh. Tuy nhiên, khuynh hướng huyền thoại này không nằm ở khả năng thần thông; cũng như khuynh hướng hiện thực huyền ảo, chủ nghĩa thần thực trong văn học hiện đại không nằm ở thần ma hay yêu quỷ. Các khuynh hướng văn chương này không đơn thuần là kết hợp yếu tố hiện thực và huyền ảo mà thật ra là nhìn chúng trong một tổng thể lớn, một cách nhìn mới, thông hiểu mối liên hệ và sự tương tác rộng khắp.

Có thể thấy, nghệ thuật chung của *Pháp hoa* nằm ở khả năng so sánh ẩn dụ từ tổng thể đến chi tiết. Đến nay, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra ý nghĩa ẩn dụ của hoa sen, của các ví dụ minh họa, các hình ảnh tượng trưng trong kinh *Diệu Pháp Liên hoa*. Nhìn lại cấu trúc chung của bộ kinh này, nghệ thuật ẩn dụ có vai trò như phương tiện kết nối các hình tượng trọng yếu. Trong hệ thống tam châu thất dụ thì các hình tượng hỏa trạch, cùng tử, dược thảo, hóa thành, y châu, kế châu, y tử đều được xây dựng từ nguyên tắc tương đồng theo nghĩa ẩn dụ. Tổng thể các ví dụ này hướng đến trình bày mối quan hệ cha con, với bối cảnh là nơi trú ở (hóa thành, hỏa trạch), hoàn cảnh đầy nguy hiểm (bệnh, nhà cháy) và phương thức cứu chữa là thuốc (dược thảo, thuốc). Khi kết nối các tuyến ý tưởng này lại thì mạng lưới ý nghĩa hình



thành từ tương đồng đã mở rộng ra thành tương cận, liên tưởng. Nhìn rộng ra, ý nghĩa *Pháp Hoa* quy về nhất thừa, phật tính, pháp thân lại đi con đường ngược lại, từ hoán dụ liên tưởng quay về ẩn dụ. Quá trình vận hành hình thức và nghệ thuật kinh *Pháp Hoa* hé lộ hai phương thức tạo nghĩa cơ bản của văn chương là ẩn dụ và hoán dụ. Bởi thế, Diệu pháp liên hoa kinh được nghiên cứu nhiều từ góc độ văn học. Tư duy văn học, ở đây, cũng là công cụ nhằm mục đích chung là khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến. Sẽ luôn có ý kiến rằng công cụ có tính xảo đến đâu cũng chỉ là phương tiện; nhưng không phải vì vậy mà xem nhẹ nghĩa phương tiện; bởi "... nơi tâm của chúng sinh, có những điều ham muốn chấp trước, nên tùy theo bản tính của họ mà dùng hết thủy phương tiện, các món nhân duyên, lời lẽ thí dụ mà vì đó nói pháp." (Tue Hai, 2002, p.64); "chư Phật dùng sức phương tiện nơi một Phật thừa, mà phương tiện nói ra ba thừa vậy." (Tue Hai, 2002, p.64). Nếu phương tiện *Pháp hoa* vì diệu thì hệ thống 5 bài di thơ của Hòa thượng Thích Quảng Đức cũng có tác dụng tương tự khi giúp người học đương thời và hậu thế hiểu rõ hành động của Ngài và phát đại tâm tu tập, sống đời thiện lành. Đây là kết quả của hình tượng trung tâm các bài di thơ liên tục nhắc đến: "thieu", "đốt" và hệ thống các từ cùng trường nghĩa như "cháy", "tro", "khói", "đèn". Trường nghĩa này càng đậm tính huyền thoại nếu soi chiếu hành động tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức trong kinh điển Phật giáo. Trong bài viết *Bồ tát Quảng Đức vị pháp thiêu thân đối chiếu qua kinh điển Nam tông và Bắc tông* (2005), Tâm Diệu đã liên hệ các truyện kể có cùng motif trên trong Kinh Trung Bộ 144 và kinh Tạp A Hàm 47 (kể về Tì kheo Xiển Đà – Channa); Kinh Tương Ưng Bộ Tập 3 và Kinh Tạp A Hàm quyển 47 (kể về Tì kheo Bạt Ca Lê – Vakkali); Kinh Tương Ưng Bộ Tập I và kinh Tạp A Hàm quyển 39 (kể về Tì kheo Cù Đề Ca – Godhika). Hay truyện Tiên thân Đức Phật, khi còn là thái tử Ma Ha Tát Đỏa từng xả thịt cho mẹ hồ ăn. *Kinh Đại Bảo Tích* kể việc hi sinh mạng sống của mình cho kẻ khác, để cứu một hay nhiều chúng sinh. Hình tượng nhân vật trữ tình Thích Quảng Đức mang motif tự thiêu của kinh văn Phật giáo, điều này tạo chiều sâu cho hình tượng và ý nghĩa thơ.

Thứ đến, cùng hành động mạnh mẽ, hệ thống năm bài di thơ của Hòa thượng Thích Quảng Đức có vai trò cách mạng, truyền cảm hứng cho phong trào Chấn hưng Phật giáo và đấu tranh đòi bình đẳng tôn giáo trong xã hội miền Nam trước năm 1975. Sự kiện này đã trở thành biểu tượng tiêu biểu về quyết tâm và dũng cảm, đã khơi gợi tư tưởng tiến bộ trong xã hội, nghệ thuật và văn hóa miền Nam Việt Nam; tiêu biểu là thi sĩ Vũ Hoàng Chương viết "*Lửa từ bi*", mở rộng ra miền Bắc – Chủ tịch Hồ Chí Minh viết câu đối viếng: *Vị pháp thiêu thân, vạn cổ hùng uy thiên nhật nguyệt; Luru danh bất hủ, bách niên chính khí địa sơn hà*.<sup>3</sup> và nổi tiếng toàn thế giới với bức ảnh chụp Hòa thượng Thích Quảng Đức của nhà báo Malcolm Browne. Với tầm ảnh hưởng rộng lớn và vai trò, vị trí quan trọng của hành động mang tính biểu tượng này, năm 1964, Hội đồng lưỡng viện Tăng thống và Hóa đạo của Giáo

<sup>3</sup> Trích theo Phạm Hoài Nam. Bồ tát Thích Quảng Đức, ngọn đuốc xả thân vì Đạo pháp và Tổ quốc. *Báo Sài Gòn giải phóng*, ngày 30/5/2005. Giác Đạo - Dương Kinh Thành (01/4/2013). "Ki niệm 50 năm pháp nạn lịch sử Phật giáo Việt Nam: (Phần 1)

hội Phật giáo Việt Nam thống nhất suy tôn Hòa thượng Pháp vị Bồ tát. Bên cạnh ý nghĩa chính trị xã hội (Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất thành lập vào tháng 01/1964, thay thế vai trò của Tổng hội Phật giáo Việt Nam, quy tụ các hội đoàn, tông phái về một mối), việc suy tôn này cũng là kết quả của khuynh hướng huyền thoại hóa phổ biến trong văn hóa Việt Nam nói chung và di thơ của Hòa thượng Thích Quảng Đức nói riêng. Đặt vào hoàn cảnh lịch sử tương đồng, khuynh hướng huyền thoại hóa này cũng tương tự như việc phong thánh của Tòa thánh Vatican (Thiên Chúa Giáo). Theo Semeraro (2021), quy trình phong Thánh có thể khái quát như sau (Xem Bảng 3):

**Bảng 3. Quy trình phong Thánh của Tòa thánh Vatican**

Quy trình phong Thánh của Tòa thánh Vatican										
Danh tiếng, dấu hiệu	Mở án (thu thập tài liệu, nhân chứng ở cơ sở), lập hồ sơ	Gửi đến Roma, Hội đồng ra soát quy trình	Tường trình viên hướng dẫn lập Positio	Ủy ban Thần học/lịch sử chấp thuận	Hồng y, Giám mục đồng thuận	Giáo hoàng ban sắc lệnh về Đấng đáng kính	Phong Chân Phước		Phép lạ	Phong Thánh
							Từ đạo	Phép lạ chữa lành (Ủy ban y tế)		

“Trong quá khứ, cần phải đợi 50 năm sau khi vị Tội Tớ Chúa qua đời thì mới bắt đầu nghiên cứu về cuộc đời, các đức tính hoặc sự tử đạo của họ.” (Semeraro, 2021). Rõ ràng, trường hợp của Hòa thượng Thích Quảng Đức, ngay cả quy về nguyên do tử đạo và có phép lạ ngay với tờ Di Chúc thứ hai (được đánh máy một bản vào ngày 16 tháng 4 (nhuần) năm Quý Mão (07-6-1963), và được kí vào đêm 19 tháng 4 nhuần, trước ngày Ngài thiêu – “Trong lúc thiêu thân giả tạm, nếu tôi nằm ngửa là đạo-pháp trường-tồn vĩnh-viễn, tôi nằm sấp là chánh pháp suy đồi.” (Thích Nhất Tu, 2014, p.64) thì 1 năm là quá ngắn cho việc phong Thánh theo quy trình Thiên Chúa giáo. Khuynh hướng huyền thoại hóa đã có ảnh hưởng rất lớn đến tiếp nhận hành động của Hòa thượng Thích Quảng Đức. Và kết quả là hệ thống di thơ của Ngài trở thành báu vật, được lưu giữ tại chùa Quán Âm, Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc lưu giữ di thơ của Hòa thượng, Bồ tát Thích Quảng Đức tất nhiên là cần thiết nhưng cũng đặt ra nhiều vấn đề liên quan cần suy nghĩ. Thứ nhất, việc lưu giữ các di vật của Hòa thượng Thích Quảng Đức không đúng chuẩn bảo tàng có thể dẫn đến hư hỏng vật phẩm, theo hình ảnh hiện nay thì bài kệ thứ 5 (xuất kệ vân) được viết trên giấy học sinh đã có những vết mờ khiến việc đọc văn bản chữ Nôm bắt đầu khó khăn. Thứ hai, kết quả của việc bảo quản kín những di vật này, bao gồm hệ thống di bút di thư trước khi khai thác hết, sẽ ngăn cản việc phổ biến rộng rãi giá trị, tinh thần và ý nghĩa di sản của Hòa thượng Thích Quảng

Đức. Hiện nay, ngoài văn bản chữ Nôm bài kệ thứ 5, văn bản gốc 4 bài kệ trước chưa phổ biến cũng gây tồn nghi trong giới nghiên cứu. Thực tế đã có mâu thuẫn về hình thức những bài kệ này giữa bài viết *Tinh thần vô ngã vị tha của Bồ-tát Quảng Đức qua Lời nguyện tâm quyết và Kệ thiêu thân cúng dường* (Nguyễn Công Lý) và công trình *Bồ tát Thích Quảng Đức: Cuộc đời và lửa từ bi* (Thích Nhật Từ). Cần lưu ý là 5 bài di thơ được đề cập chỉ là bộ phận rất nhỏ trong hệ thống di vật của Hòa thượng Thích Quảng Đức. Thứ ba, có lẽ cần nhanh chóng tổ chức số hóa hệ thống di sản của Hòa thượng Thích Quảng Đức, đặc biệt là hệ thống văn bản chữ Nôm vì những giá trị văn hóa, lịch sử, xã hội lớn của chúng.

### 3. Kết luận

Tóm lại, thông qua hệ thống phương pháp văn hóa – lịch sử, phê bình huyền thoại và thi pháp học, bài viết đã phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật 5 bài di thơ của Hòa thượng Thích Quảng Đức trên tinh thần ba đặc điểm nhất nguyên, phổ quát và thường hằng của kinh *Diệu pháp liên hoa*. Về mặt phương pháp, đây chính là đường hướng tiếp cận phương pháp phê bình Phật học – từ những vấn đề Phật giáo liên hệ giải quyết những vấn đề văn học và ngược lại. Phương pháp này có thể giải quyết được những cực đoan trong nghiên cứu văn học, đồng thời giới thiệu thêm một phương tiện để đưa chúng sinh đến tri kiến Phật tánh nói riêng và đến với Phật giáo nói chung. Điều này cũng có ý nghĩa là củng cố hướng nghiên cứu liên ngành, mở ra khả năng tiếp thu thế học bên cạnh Phật học của tăng ni, Phật tử.

Tuy đã khảo sát hệ thống nội dung và nghệ thuật 5 bài di thơ của Hòa thượng Thích Quảng Đức, song, như đã đề xuất trong “Tiếp cận 5 bài di thơ của Hòa thượng Thích Quảng Đức dưới ánh sáng Phật giáo Lâm Tế Chúc Thánh” (2021), hiện nay khâu khảo sát chỉ dựa trên bản phiên âm tiếng Việt; nghiên cứu nguyên bản chữ Nôm các bài di thơ này chắc chắn sẽ đặt ra nhiều vấn đề hơn về đặc điểm văn hóa lịch sử của Hòa thượng Thích Quảng Đức cũng như góp phần làm rõ diện mạo văn học chữ Nôm thế kỉ XX. Bối ghi chú 26 (Thích Nhật Từ, 2014, p.60) đánh giá những khó khăn khi khảo sát văn bản Nôm của Hòa thượng Thích Quảng Đức ở bốn điểm là độ phân giải ảnh, độ quen thuộc kho từ vựng Hán Nôm của Thích Quảng Đức, cách dùng ngữ âm miền Nam để viết chữ Nôm, một số từ không có trong từ điển tự vị Hán Nôm. Theo đó, nhu cầu cần thiết hiện nay là khảo sát trực tiếp bản chữ Nôm, số hóa và công bố rộng rãi, thông qua đó xác minh những tồn nghi và nghiên cứu những bài di thơ này trong hệ thống di sản của Hòa thượng Thích Quảng Đức.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyen, T. T. (2021). Tiếp cận 5 bài Di thơ của Hoà thượng Thích Quảng Đức dưới ánh sáng Phật giáo Lâm Tế Chúc Thánh [Approaching the Five Poems of the Most Venerable Thich Quang Duc in the Light of the Lam Te Chuc Thanh Buddhist Tradition]. In *Thien phao Lam Te Chuc Thanh – Lịch sử hình thành và phát triển [The Lam Te Chuc Thanh Meditation School - Its Formation and Development History]* (pp. 650-661). Ho Chi Minh City: Hong Duc Publishing House.
- Peach, L. J. (2002). Social Responsibility, Sex Change, and Salvation: Gender Justice in the “Lotus Sūtra.” *Philosophy East and West*, 52(1), 50-74. <http://www.jstor.org/stable/1400133>
- Semeraro, M. (2021). *Bộ Phong thánh và tiến trình tuyên phong chân phước và phong thánh [The Canonization Process and the Progress of Declaring Sainthood and Canonization]*. Vatican News. <https://www.vaticannews.va/vi/vatican-city/news/2021-06/bo-phong-thanh-tien-trinh-tuyen-phong-thanh-va-chan-phuoc.html>
- Thich Nhat Hanh (2008). *Peaceful Action, Open Heart: Lessons from the Lotus Sutra*. Parallax Press.
- Thich Nhat Tu, & Nguyen, T. A. (2014). *Bồ tát Thích Quảng Đức – Cuộc đời và lửa từ bi [Bodhisattva Thich Quang Duc: Life and the Flame of Compassion]*. Oriental Publishing House.
- Tue Hai [trans] (2002). *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa [Lotus Sutra]*. Hanoi: Religion Publishing House.
- Wawrytko, S. A. (2000). Language and Logic in the Lotus Sutra: A Hermeneutical Exploration of Philosophical Underpinnings. *Chung-Hwa Buddhist Journal, Journal of Chinese Buddhist Studies*, 13(2), 63-95. [http://www.chibs.edu.tw/publication\\_tw.php?id=12](http://www.chibs.edu.tw/publication_tw.php?id=12)

**ANALYSIS OF FIVE DEATHBED POEMS BY THICH QUANG DUC  
IN RELATION TO THE LOTUS SUTRA**

**Nguyen Thanh Trung<sup>1\*</sup>, Phramaha Chakrapol Acharashubho Thepa<sup>2</sup>**

<sup>1</sup>Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

<sup>2</sup>Department of Religion and Philosophy, Mahamakut Buddhist University, Thailand

\*Corresponding author: Nguyen Thanh Trung – Email: [trungnt@hcmue.edu.vn](mailto:trungnt@hcmue.edu.vn)

Received: March 30, 2023; Revised: June 08, 2023; Accepted: October 24, 2023

**ABSTRACT**

*The article analyzes five poems by the Most Venerable Thich Quang Duc from the perspective of the Lotus Sutra. The analysis was conducted by adapting a cultural history, legendary criticism, and poetic approaches. The study results show that three main characteristics of the Lotus Sutra: One Vehicle, Universality, and Permanence, are effective in clarifying the meaning and artistic values of the five poems. Particularly, the outstanding art of the Lotus Sutra influences how to define the values of the poems, along with the values of social transformation in the southern region that these poems and the self-immolation of the Most Venerable Thich Quang Duc brought about.*

**Keywords:** five deathbed poems; the intrinsic value of content and artistry; Lotus Sutra; Thich Quang Duc